

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ SÔNG CẦU  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06/7/2020

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Ngọc Tiên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Long

2. Bà Phạm Thị Hiệp

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Tuyết, thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Văn Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 về việc “Ly hôn”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn Nhiêu H, xã Xuân T, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phan Ngọc A, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn Nhiêu H, xã Xuân T, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/7/2019, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H (chị H) trình bày: Chị H và anh Phan Ngọc A (anh Ngọc A) tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết*

hôn tại UBND xã Xuân Thọ 1, thị xã Sông Cầu ngày 18/7/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Ngọc A thường xuyên đi chơi, cá độ đá banh thua tiền, uống rượu bia xúc phạm chị H dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn tiếng nói chung và đã sống ly thân từ tháng 09/2019 đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng bỏ mặc nhau, không quan tâm chăm sóc nhau. Chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng và không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh Ngọc A nên chị H yêu cầu được ly hôn anh Phan Ngọc A.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Tuấn K– sinh ngày 01/12/2006, Phan Tuấn K2– sinh ngày 26/6/2015. Ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Kt, anh Phan Ngọc A nuôi dưỡng cháu K2. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị có nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 50.000.000đ, hiện nay anh Ngọc A đã trả hết nợ cho Ngân hàng, ngoài khoản nợ này thì vợ chồng chị không có khoản nợ chung nào hết nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

*\* Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/10/2019, anh Phan Ngọc A trình bày: Xác định anh và chị H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Thọ 1, thị xã Sông Cầu ngày 18/7/2006 là đúng. Qua một thời gian chung sống đến cuối năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng cãi vã nhau. Nay chị H có yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.*

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Tuấn K– sinh ngày 01/12/2006, Phan Tuấn K2– sinh ngày 26/6/2015. Anh Ngọc A chấp nhận yêu cầu của chị H, anh Ngọc A nuôi dưỡng cháu Khang, chị H nuôi dưỡng cháu Kiệt. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Xác định vợ chồng chỉ có khoản nợ chung 50.000.000đ đối với Ngân hàng chính sách xã hội, anh và chị H sẽ tự thỏa thuận phân chia trách nhiệm trả nợ, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại các phiên hòa giải, bị đơn anh Phan Ngọc A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

### **Tại phiên tòa:**

Nguyên đơn chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Phan Ngọc A. Về con chung, giao con tên Phan Tuấn K– sinh ngày 01/12/2006 cho chị H nuôi dưỡng, giao con chung Phan Tuấn K2– sinh ngày 26/6/2015 cho anh Ngọc A nuôi dưỡng. Chị H và anh Ngọc A không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét. Về nợ chung: Chị H và anh Ngọc A xác định chỉ có 01 khoản nợ đối với Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 50.000.000đ, anh Ngọc A đã trả hết nợ và được Ngân hàng xác nhận rút đơn khởi kiện, ngoài ra chị H và anh Ngọc A không còn khoản nợ nào khác, không yêu cầu Tòa giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Hai bên đương sự có tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh Phan Ngọc A thường trú tại Thôn Nhiêu H, xã Xuân T, thị xã S, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H, anh Phan Ngọc A có đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Thọ 1 ngày 18/7/2006 đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Theo lời chị H trình bày, sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Ngọc A thường xuyên đi chơi, cá độ đá banh thua tiền, uống rượu bia xúc phạm chị H dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn tiếng nói chung và đã sống ly thân từ tháng 09/2019 đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng bỏ mặc nhau, không quan tâm chăm sóc nhau. Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/10/2019, anh Phan Ngọc A thống nhất lời trình bày của chị H, đồng ý ly hôn chị H. Từ các căn cứ này, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị H và anh Phan Ngọc A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bản thân chị H và anh Phan Ngọc A đều thuận tình ly hôn nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị H.

[3] *Về con chung*: Có 02 con chung tên Phan Tuấn K– sinh ngày 01/12/2006, Phan Tuấn K2– sinh ngày 26/6/2015. Chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Phan Tuấn Kiệt, giao cháu Phan Tuấn K2 cho anh Phan Ngọc A nuôi dưỡng, chị H và anh Ngọc A không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại Biên bản lấy lời khai ngày

04/10/2019, anh Phan Ngọc A chấp nhận yêu cầu của chị H, anh nuôi dưỡng cháu Khang, chị H nuôi dưỡng cháu Kiệt, chị H và anh Ngọc A không phải cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX xét thấy, chị H và anh Phan Ngọc A đều đi làm thuê, thu nhập thấp, nay chị H và anh Ngọc A đồng nhất trí phân chia quyền và nghĩa vụ nuôi con trên cơ sở tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật, đảm bảo lợi ích của các cháu nên chấp nhận.

Chị H và anh Phan Ngọc A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] *Về tài sản chung*: Vợ chồng anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[5] *Về nợ chung*: Chị H và anh Phan Ngọc A xác định vợ chồng anh chị chỉ có 01 khoản nợ chung là nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền 50.000.000đ. Anh Ngọc A đã trả khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng, được Ngân hàng xác nhận đồng thời rút yêu cầu khởi kiện tại Đơn đề nghị rút hồ sơ khởi kiện số 75/PGD ngày 28/5/2020 và Tòa án đã đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập theo Quyết định đình chỉ số 16A/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2020. Ngoài khoản nợ này, vợ chồng anh chị không còn khoản nợ nào khác và không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Phan Ngọc A.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phan Tuấn K– sinh ngày 01/12/2006 cho chị Nguyễn Thị Thanh H nuôi dưỡng, giao con Phan Tuấn K2– sinh ngày 26/6/2015 cho anh Phan Ngọc A nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Phan Ngọc A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Phan Ngọc A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

4. Án phí:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu tiền số AA/2015/0007039 ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND TX.Sông Cầu (02);
- TAND tỉnh Phú Yên (01);
- Chi cục THA TX.Sông Cầu (01);
- UBND xã Xuân Thọ 1(01);
- Án văn (01);
- Lưu hs (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Phạm Thị Ngọc Tiên**